

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Hồng;

2. Ông Nguyễn Mạnh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:**

Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Toà án NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Chị S T X sinh năm 1994

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh T S M sinh năm 1993

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Yêu cầu khởi kiện của N đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2021, các bản tự khai và tại phiên tòa N đơn chị S T X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T S M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến ngày 21/3/2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai. Trong suốt thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng chỉ thật sự hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khi chị sinh con vào tháng 10/2015 thì vợ chồng đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nhưng kể từ tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn như việc anh M thường xuyên uống rượu say, sau nhiều lần uống rượu thì anh M thường chửi mắng và còn đánh chị, việc anh M chửi chị đến nay đã nhiều lần, do cố gắng kiềm chế, hơn nữa khi xảy ra mâu thuẫn do không muốn ly hôn và không làm to tiếng vì vợ chồng sống gần nhà bố mẹ chồng nên việc mâu thuẫn này chỉ bố mẹ chồng biết. Từ tháng

9/2019 cho đến khi chị về Hà Nội làm phụ xây dựng là 02/2021 và cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ đến nhau nữa, ai chỉ biết bốn phần của người đó, mỗi người ngủ một giường, sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được bố mẹ chồng nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vì những N nhân trên nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T S M.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Chị và anh T S M có 01 người con chung cháu tên là T V N sinh ngày 25/10/2015 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, khi chị đi làm ăn xa cháu N ở cùng với anh M, khi ly hôn để anh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N ban đầu chị không có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu N nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2021 chị có thay đổi là đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.500.000 đồng/ 1tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị làm nghề lao động tự do, công việc chủ yếu là đi làm phụ xây dựng, ngày công của người làm nghề phụ xây dựng được 250.000 đồng/ 1ngày nhưng do tính chất công việc nên không làm đủ 30 ngày/ 1tháng, mức thu nhập bình quân của chị được khoảng 6.000.000 đồng/ 1tháng, còn anh M làm nghề trồng trọt tại xã T C P, huyện S có mức thu nhập bình quân một tháng được khoảng 2.500.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ chị X đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Minh gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (X + M); Bản sao chứng thực các giấy tờ tài liệu: giấy chứng minh nhân dân của chị X, giấy chứng minh nhân dân của anh M, sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ T S M, giấy khai sinh của cháu T V N; đơn trình bày ý kiến về việc đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; bản tự khai của chị X đề ngày 11/8/2021; bản tự khai đề ngày 25/8/2021; đơn xin xác nhận mâu thuẫn vợ chồng, việc làm và thu nhập đối với chị X và anh M.

## 2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, sau đó về ngày tháng năm và nơi đăng ký kết hôn như chị X trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng kể từ tháng 02/2021 chị X về Hà Nội làm phụ xây dựng đến khi trở về nhà và cho đến nay thì tình cảm giữa hai vợ chồng không còn hòa thuận hạnh phúc như trước, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa, trước đây vào năm 2014 thì vợ chồng có xảy ra đánh cãi chửi nhau 01 lần, kể từ khi chị X đi Hà Nội làm thuê vợ chồng sống ly thân với nhau, từ tháng 7/2021 có lúc thì chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn có lúc thì về nhà của vợ chồng anh ở. Nay chị X đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh theo anh thì tình cảm vợ chồng chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng nên chị X cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà mong muốn Tòa án phân tích, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 06/9/2021 Tòa án hòa giải chị X vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh M.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung họ tên và ngày tháng năm sinh như chị X trình bày là đúng, cháu N khỏe mạnh và phát triển bình thường. Anh không đồng ý ly hôn với chị X, trường hợp mà vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N, ban đầu anh yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.500.000 đồng/ 1tháng nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2021 và tại phiên hòa giải ngày 06/9/2021 anh yêu cầu chị X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 2.000.000 đồng/ 1tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi vì anh cho rằng hiện nay cháu N đang học lớp 1 chi phí nuôi dưỡng và học tập cho cháu nhiều hơn.

- Về tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh T S M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của Minh là có căn cứ và hợp pháp: Không.

Về những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của anh M ngày 19/8/2021 và ngày 30/8/2021; biên bản lấy lời khai của chị X ngày 01/9/2021.

3. Đại diện Viện kiểm sát NHÂN DÂN HUYỆN S phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm quyền thụ lý giải quyết, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về N tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, N đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị S T X được ly hôn với anh T S M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu T V N sinh ngày 25 tháng 10 năm 2015 cho anh T S M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị S T X phải cấp cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.500.000

đồng/ 1tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị X khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh M, anh M có địa chỉ nơi cư trú tại thôn S C, xã T C P, huyện S, do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án NHÂN DÂN HUYỆN S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho N đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa xét xử ngày 24/9/2021 bị đơn T S M vắng mặt Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 00 phút, ngày 27/9/2021 và đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa này cho bị đơn. Tại phiên tòa ngày 27/9/2021 bị đơn T S M vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh M về chung sống mới nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng ngày 21/3/2018 mới Đăng ký kết hôn tại UBND xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Việc chị X kiện ly hôn anh M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, đến khi chị X sinh con vào tháng 10/2015 thì vợ chồng đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn trầm trọng theo như cả anh chị là từ tháng 02/2021 cho đến nay, do mâu thuẫn vợ chồng mà anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Sự việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình biết, bố mẹ chồng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, đã từ lâu vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau nữa, ai chỉ biết bốn phận của người đó và vợ chồng sống ly thân với nhau mỗi người ngủ một giường. Điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã được gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị S T X được ly hôn anh T S M.

[3] Về nuôi con sau khi ly hôn: Quá trình chung sống chị X và anh M có 01 con chung cháu tên là T V N sinh ngày 25/10/2015.

Xét về việc giao con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn thì chị X không có nguyện vọng nuôi con và khi ly hôn đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N 1.500.000 đồng/ 1 tháng còn anh M có nguyện vọng được nuôi con ban đầu anh yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi

cháu N 1.500.000 đồng/ 1 tháng nhưng sau đó anh tăng mức yêu cầu cấp dưỡng lên 2.000.000 đồng/ 1 tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị X không có yêu cầu nguyện vọng gì về việc nuôi con mà anh M có nguyện vọng được nuôi con nên giao cháu N cho anh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Về mức cấp dưỡng thì anh M làm nghề trồng trọt tại thôn, xã T C P mức thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 2.500.000 đồng còn chị X làm nghề lao động tự do công việc chủ yếu là làm thợ phụ xây dựng có mức thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng 6.000.000 đồng, để đảm bảo cho sự phát triển, sinh hoạt và học tập của cháu nên buộc chị X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị S T X được ly hôn với anh T S M.

2. Về nuôi con sau khi ly hôn: Xử giao cháu T V N sinh ngày 25/10/2015 cho anh T S M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T V N số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) / 01 tháng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị S T X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị X phải chịu 600.000 đồng tiền án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006882 ngày 11/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị S T X còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: N đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã T C P,
- H. S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**





